

Số: /2018/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 10 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

Xét Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách địa phương cho cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này phân định nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường; Quy định tỷ lệ chi phí quản lý chung và mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương đảm bảo cho các cấp ngân sách ở địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Các nguồn kinh phí khác quy định về các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường (như nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường, kinh phí sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển, nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Sở, ban ngành tỉnh (cấp tỉnh); UBND huyện, thành phố (cấp huyện) và UBND xã, phường, thị trấn (cấp xã);

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp tỉnh

1. Quản lý đất đai

a) Điều tra, đánh giá đất đai của tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề;

b) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính cấp tỉnh;

c) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh ;

d) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

đ) Điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể cấp tỉnh; lập bản đồ giá đất;

e) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có);

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh.

2. Đo đạc và bản đồ

a) Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý của từng địa phương: thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp huyện, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính cấp tỉnh.

3. Địa chất và khoáng sản

a) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn cấp tỉnh;

b) Khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp tỉnh;

c) Lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản cấp tỉnh.

4. Tài nguyên nước

a) Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh;

b) Điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn;

c) Hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

d) Xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý;

đ) Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp;

e) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

5. Biển và Hải đảo

a) Điều tra cơ bản tài nguyên biển và hải đảo thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh;

b) Các nhiệm vụ, dự án, đề án thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo theo quyết định của cấp có thẩm quyền, có tính chất chi từ nguồn kinh phí hoạt động kinh tế;

c) Quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ thuộc phạm vi quản lý cấp tỉnh theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do cấp tỉnh quản lý;

đ) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo cấp tỉnh;

e) Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển cấp tỉnh;

g) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh.

6. Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu

a) Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh;

b) Dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai trên địa bàn;

c) Giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

d) Xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

7. Viễn thám

Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám ở cấp tỉnh (nếu có).

8. Đa dạng sinh học

Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về đa dạng sinh học của cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh quy định nhiệm vụ chi về đa dạng sinh học của ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện.

9. Các nhiệm vụ chi khác

a) Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên môi trường; thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường cấp tỉnh (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường);

c) Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, nhiệm vụ chi khác (nếu có) thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh;

d) Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên của địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế (nếu có);

đ) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường cấp tỉnh theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động kinh tế;

e) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ

nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);

g) Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

h) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) cấp tỉnh.

Điều 3. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp huyện

1. Quản lý đất đai

a) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính ở cấp huyện;

b) Thông kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của huyện;

c) Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện;

d) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai của địa phương theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có);

đ) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện.

2. Đo đạc và bản đồ

a) Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ yêu cầu quản lý của từng địa phương: Thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; thành lập bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;

b) Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật;

c) Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính cấp huyện.

3. Địa chất và khoáng sản

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn cấp huyện.

4. Tài nguyên nước

Các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước trên địa bàn huyện, thành phố.

5. Biển và Hải đảo

a) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do cấp huyện quản lý;

b) Hoạt động quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trên địa bàn huyện, thành phố;

c) Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển cấp huyện.

6. Viễn thám

Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám ở cấp huyện (nếu có).

7. Các nhiệm vụ chi khác

a) Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch về tài nguyên môi trường; thống kê các chỉ tiêu tài nguyên môi trường cấp huyện (không bao gồm thống kê lĩnh vực môi trường chi từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường);

c) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường của địa phương theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động kinh tế;

d) Vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế có tính chất chi thường xuyên từ nguồn hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường (nếu có);

đ) Sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị phục vụ nhiệm vụ chuyên môn đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực chi hoạt động kinh tế (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được Nhà nước đặt hàng theo giá tính đủ chi phí bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định);

e) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) cấp huyện.

Điều 4. Nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường của ngân sách cấp xã

1. Quản lý đất đai

a) Lập, chỉnh lý bản đồ địa chính ở cấp xã;

b) Thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã;

c) Xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai cấp xã.

2. Đo đạc và bản đồ

Xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính cấp xã.

3. Địa chất và khoáng sản

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn cấp xã.

4. Biển và Hải đảo

a) Điều tra, thống kê, phân loại, quản lý tài nguyên biển và hải đảo do cấp xã quản lý;

b) Quản lý hành lang bảo vệ bờ biển cấp xã.

5. Các nhiệm vụ chi khác

a) Xây dựng, tích hợp, lưu trữ, quản lý cơ sở dữ liệu chung về tài nguyên của địa phương theo quy định của pháp luật chuyên ngành; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác điều tra, đánh giá, quản lý tài nguyên theo quy định của pháp luật chuyên ngành, nội dung có tính chất chi thường xuyên từ nguồn kinh phí chi hoạt động kinh tế (nếu có);

b) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật của lĩnh vực theo quy định của pháp luật chuyên ngành được chi từ nguồn hoạt động kinh tế; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về tài nguyên môi trường cấp xã theo nội dung chi từ nguồn chi hoạt động kinh tế;

c) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, chi khác (nếu có) cấp xã.

Điều 5. Tỷ lệ chi phí quản lý chung đối với nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương

Được tính bằng tỷ lệ chi phí quản lý chung quy định tại khoản 3 Phụ lục số 04 (ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Điều 6. Mức chi nhiệm vụ, dự án về tài nguyên môi trường

Được tính bằng mức chi và mức chi tối đa của khung quy định tại Phụ lục 06 (ban hành kèm theo Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XII,

Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBNDQH;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên - Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội bầu ở tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, Hội, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, KTNS (01).L180.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân